

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ C
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 62/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 28-7-2023
V/v tranh chấp “Xin ly hôn, nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ C

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Hoàng Hiệp

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Đặng Thị Tiềm.

Ông Lê Văn Tám.

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Lê Lộc - là Thư ký Tòa án nhân dân thị xã C, tỉnh Tiền Giang.

Ngày 28 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã C, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 67/2023/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 5 năm 2023 về việc “Xin ly hôn, nuôi con”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 70/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 7 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Đỗ Văn K, sinh ngày 19/10/1991; (có mặt)

Địa chỉ: Ấp R, xã M, thị xã C, tỉnh Tiền Giang.

- Bị đơn: Chị Châu Thị H, sinh năm 10/4/1994; (có mặt)

Địa chỉ: Ấp R, xã M, thị xã C, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện, tờ tự khai ngày 10/5/2023, biên bản hòa giải, biên bản về việc kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, nguyên đơn anh Đỗ Văn K trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị H là vợ chồng hợp pháp, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, thị xã C, tỉnh Tiền Giang năm 2013. Quá trình vợ chồng sống chung với nhau hạnh phúc được một thời gian, đến đầu năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn do thường xuyên cãi nhau và bất đồng quan điểm trong cuộc sống. Vợ chồng đã cố gắng hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng đến nay vẫn không hạnh phúc, hiện vợ chồng không còn sống chung với nhau từ đầu năm 2022, anh yêu cầu Tòa án cho anh ly hôn với chị H.

- Về con chung: Có 02 con chung gồm: cháu Đỗ Ái V, sinh năm 2013 và cháu

Đỗ Kim T, sinh năm 2021, khi ly hôn giao chị H nuôi dưỡng, anh không cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**Bị đơn chị Châu Thị H trình bày:* Từ trước cho đến nay, giữa chị và anh K không có mâu thuẫn trầm trọng phải nhờ đến chính quyền địa phương để giải quyết. Nguyên nhân anh K xin ly hôn là do anh K có quan hệ bất chính với người phụ nữ khác, hiện tại chị vẫn sống chung với cha, mẹ chồng cùng 02 con tại Ấp R, xã M, thị xã C, tỉnh Tiền Giang. Chị không đồng ý ly hôn với anh K.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên và những quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ tranh chấp: Anh K khởi kiện yêu cầu xin ly hôn, nuôi con chung với chị H, căn cứ Điều 28 và Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự, Điều 51 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp là tranh chấp “Xin ly hôn, nuôi con chung”.

[2] Về thẩm quyền: Xét thấy chị H có địa chỉ ấp R, xã M, thị xã C, tỉnh Tiền Giang, theo quy định tại khoản 1 Điều 35, 39 Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã C, tỉnh Tiền Giang.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Xét thấy lý do mà anh K đưa ra để cho rằng mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng và xin ly hôn với chị H là chưa có tính thuyết phục, theo lời trình bày của anh K trong thời gian vợ chồng chung sống, anh tự ý bỏ vợ con ra ngoài thuê nhà sống, không thực hiện nghĩa vụ cùng vợ chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Trong khi đó chị H phải đi làm vừa nuôi sống gia đình chồng, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục hai con chung, không vi phạm nghĩa vụ làm vợ, làm dâu, làm mẹ.

- Từ lời trình bày, tranh luận cho thấy anh K là người có lỗi nhưng chị H vẫn tha thứ để tạo điều kiện cho anh thấy và sửa chữa sai lầm, hàn gắn tình cảm vợ chồng, cùng chăm sóc, nuôi dưỡng con chung.

Do đó, để tạo điều kiện cho anh K, chị H có thời gian suy nghĩ và có quyết định chính xác đối với vấn đề hôn nhân của mình, Hội đồng xét xử xét thấy cần cho anh K chị H một thời gian để hàn gắn hạn phúc gia đình, cùng chung sức nuôi dạy, chăm sóc, giáo dục con chung nên không chấp nhận yêu cầu của anh K về việc xin ly hôn với chị H.

[4] Do không chấp nhận yêu cầu của anh K về việc xin ly hôn chị H nên các vấn đề về con chung, tài sản chung, nợ chung, Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Anh K phải chịu 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 147, 227, 228, 235, 266, 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Không chấp nhận yêu cầu của anh Đỗ Văn K về việc xin ly hôn chị Châu Thị H.

Do không chấp nhận yêu cầu của anh K về việc xin ly hôn chị H nên các vấn đề về con chung, tài sản chung, nợ chung, Hội đồng xét xử không xem xét.

2. Về án phí: Anh K phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, anh K đã nộp tạm ứng án phí số tiền 300.000 đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã C, tỉnh Tiền Giang theo biên lai thu số 0018513 ngày 11/5/2023, xem như anh K đã thực hiện xong nghĩa vụ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Anh K, chị H được quyền kháng cáo đối với bản án của Tòa án cấp sơ thẩm là 15 ngày kể từ ngày tuyên án, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND thị xã C;
- CCTHADS thị xã C.
- Các đương sự
- Lưu: Án văn, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Hoàng Hiệp